

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 143

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh mì sandwich thịt heo, cà chua, nấm mèo, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa:
CS1: Buffet trưa
- Cơm nắm rau củ
- Đùi gà + thịt gà xốt me, tỏi
- Trứng cuộn rau củ
- Súp thịt bò
- Cà rốt, su su luộc
CS2: Cơm trắng
- Đùi gà chiên sốt me, tỏi, hành lá
- Canh bầu nấu thịt bò, hành lá, ngò rí
- Su su, cà rốt luộc
Xế: Nước sâm, Pudding trứng sữa
Xế chiều: Cháo cá basa nấm rom, khoai mỡ, mỏng tỏi, hành phi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cá m...)	1,000	6,280	62,800
2	0695	Dầu thực vật Tường An	700	3,140	21,980
3	0494	Đường cát	2,800	3,880	108,640
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
5	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
6	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
7	0002	Gạo nếp (loại thường)	1,200	3,050	36,600
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
9	0185	Tỏi ta	100	7,460	7,460
10	0211	Nấm rom	400	14,180	56,720
11	0751	Khoai mỡ	600	5,040	30,240
12	0163	Rau mồng tơi	400	5,040	20,160
13	0436	Cá basa (phi lê)	2,000	13,550	271,000
14	0087	Cà chua	2,000	7,670	153,400
15	N0770	Thịt nạc dăm	2,000	17,850	357,000
16	0708	Bánh mì sandwich	5,000	6,050	302,500
17	0004	Gạo tẻ máy	9,700	2,560	248,320
18	0120	Hành lá (hành hoa)	400	8,400	33,600
19	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
20	0280	Dầu mè	250	15,480	38,700
21	0649	Bột năng	200	4,675	9,350

22	0007	Ngô bắp tươi	600	4,200	25,200
23	0085	Bí đỏ (bí ngô)	200	4,520	9,040
24	0089	Cà rốt	1,900	5,670	107,730
25	0180	Su su	600	4,100	24,600
26	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
27	0147	Quả me chua	250	4,940	12,350
28	N2836	Quả la hán	10	77,000	7,700
29	N0879	Nước cốt dừa	600	11,430	68,580
30	N0852	Bột rau câu dừa	40	57,200	22,880
31	0223	Dưa hấu	1,500	2,310	34,650
32	N0909	Nước sâm	1,500	2,630	39,450
33	0370	Thịt gà công nghiệp (đùi)	6,900	14,390	992,910
34	0286	Thịt bò loại II	1,200	36,750	441,000
35	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	200	9,770	19,540
36	0027	Củ sắn (khoai mì)	200	2,520	5,040
37	0443	Trứng vịt	2,800	6,750	189,000
39	0457	Sữa bột toàn phần	4,975.29	20,500	1,019,934
40	0646	Bánh pudding	2,440	11,800	287,920
41	0207	Nấm mèo (Mộc nhĩ)	80	16,500	13,200
42	0083	Bầu	1,100	4,730	52,030
Tổng chợ					5,290,999

Tổng tiền thực phẩm	5,290,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,291,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	65,971,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	65,970,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan